

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung



một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26 ngày 6 tháng 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang như sau:

1. Bổ sung khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3 như sau:

“Điều 3. Các cụm từ được viết tắt trong quy định

9. Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện, viết tắt là: Nghị định số 51/2020/NĐ-CP.

10. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định tiết thi hành Luật Đất đai, viết tắt là: Nghị định số 148/2020/NĐ-CP.

11. Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định tiết thi hành Luật Đất đai, viết tắt là: Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định diện tích đất ở còn lại không đủ điều kiện để ở

1. Diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được xác định như sau:

a) Thửa đất sau thu hồi chỉ còn đất ở không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 4 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND.

b) Thửa đất sau thu hồi còn cả diện tích đất ở và đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở, mà tổng diện tích còn lại không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang.

2. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất không đủ điều kiện để ở sau thu hồi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho hộ liền kề (*để thực hiện ghép lô, ghép thửa*); trường hợp hộ gia đình, cá nhân có văn bản đề nghị thu hồi thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ phần diện tích còn lại không đủ điều kiện để ở được thực hiện đồng thời với phần diện tích phải thu hồi để thực hiện dự án.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 15 như sau:

“Điều 15. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

2. Bồi thường thiệt hại Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220 KV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần quy định tại Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP) như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 70% theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được hỗ trợ bằng 30% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Điều 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP) như sau:

a) Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng lưới điện nếu không phải chặt bỏ và cấm trồng theo quy định tại khoản 3



Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tía cây để đảm bảo an toàn cho lưới điện thì được bồi thường bằng 100% đơn giá bồi thường đối với cây trồng cùng loại theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được thực hiện một lần đối với một cây.

b) Cây ngoài hành lang và có thể vi phạm khoảng cách an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tía cây để đảm bảo an toàn cho lưới điện thì được bồi thường bằng 100% đơn giá bồi thường đối với cây trồng cùng loại theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được thực hiện một lần đối với một cây.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

1. Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

2. Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

3. Diện tích đất thu hồi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;

4. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Khoản 1, 2 và 4 Điều này, khi xét hỗ trợ phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống và sản xuất. Mức hỗ trợ được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường/01 nhân khẩu/01 tháng theo giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương. Đơn giá hỗ trợ gạo là đơn giá loại gạo tẻ thường theo báo cáo giá cả thị trường hàng tháng của Sở Tài chính tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

6. Tiền hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là: 7.000.000 đồng/hộ;

2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký kinh doanh mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

- Đối tượng được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng;

- Mức hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc trong một (01) tháng được tính bằng 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang được hưởng theo quy định hiện hành của nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng;

- Thời gian trợ cấp ngừng việc là 06 tháng và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại Điểm d, đ và e Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền 1 lần, mức hỗ trợ như sau:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi;

- Đối với đất rừng sản xuất: Mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi;

Diện tích được hỗ trợ (nêu trên) không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.

5. Tiền hỗ trợ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 03 năm 2022.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh Hà Giang; Báo Hà Giang;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Công thông tin - Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn